

Số: 295/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026-2030 tỉnh Hà Tĩnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 34**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 18/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2024 về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026-2030; số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2025 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028;

Xét Tờ trình số 676/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra số 736/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm

2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026-2030 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế và cơ chế tài chính địa phương; huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính của Nhà nước và xã hội phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030; tiếp tục cơ cấu lại thu, chi ngân sách theo hướng tăng hợp lý tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên gắn với đổi mới mạnh mẽ khu vực dịch vụ sự nghiệp công; triệt để tiết kiệm, chống lãng phí; sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, đầu tư hợp lý cho con người và giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tài chính; kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước, nợ công.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2026-2030 khoảng 113.476 tỷ đồng, trong đó tỷ trọng thu nội địa bình quân khoảng 60% tổng thu ngân sách nhà nước.

b) Tổng chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 khoảng 150.302 tỷ đồng, trong đó tỷ trọng chi đầu tư phát triển bình quân khoảng 45% - 50% tổng chi ngân sách nhà nước.

c) Tổng mức vay của ngân sách địa phương trong giai đoạn 2026-2030 khoảng 7.897 tỷ đồng, mức vay của tỉnh phải nằm trong phạm vi giới hạn nợ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; nghĩa vụ trả nợ của tỉnh khoảng 305 tỷ đồng.

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

1. Triển khai kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026-2030 gắn với việc thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030 và định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030, đảm bảo tính ổn định, bền vững, chủ động của ngân sách địa

phương. Tổ chức đồng bộ các giải pháp, trên cơ sở bám sát chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về dự toán ngân sách các năm và tình hình thực tiễn, chủ động điều hành ngân sách đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Tập trung các giải pháp quản lý thu ngân sách theo hướng bền vững, tăng tỷ trọng thu nội địa; khai thác tối đa nguồn lực từ đất đai; thúc đẩy hợp tác công - tư (PPP); nâng cao chất lượng xúc tiến đầu tư, thu hút các dự án lớn, công nghệ cao.

3. Điều hành, quản lý chi ngân sách đảm bảo dự toán giao hằng năm chặt chẽ, đúng chế độ quy định; chủ động điều hành ngân sách phù hợp với tiến độ thu ngân sách; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp, từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư hợp lý, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên; ưu tiên bổ sung nguồn vốn cho Quỹ phát triển đất để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng, phục vụ thu hút đầu tư và phát triển hạ tầng các quỹ đất đã được quy hoạch.

4. Xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách giai đoạn 2026-2030 theo hướng tập trung, đột phá gắn với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực.

5. Tăng cường phân cấp gắn với trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý đầu tư công; xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 theo hướng tập trung, hiệu quả. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án; đôn đốc giải ngân nguồn vốn đầu tư, thực hiện điều chuyển vốn đối với các công trình chậm tiến độ cho các công trình có tiến độ triển khai nhanh nhưng chưa được bố trí đủ vốn, không để tình trạng chuyển nguồn, lãng phí, không hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

6. Tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, nhất là các dự án trọng điểm, có quy mô lớn, quyết định đến tăng trưởng kinh tế và tác động thu ngân sách trên địa bàn. Huy động tối đa các nguồn lực của xã hội cho đầu tư phát triển thông qua đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, mời gọi, thu hút đầu tư các dự án đầu tư ngoài ngân sách và dự án theo hình thức hợp tác công - tư (PPP) nhằm tạo nguồn thu, giảm áp lực cho ngân sách nhà nước.

7. Thực hiện nghiêm túc việc điều hành ngân sách theo chỉ đạo Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách, chấp hành dự toán ngân sách nhà nước đúng quy định pháp luật. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra và công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản nhà nước.

8. Trong quá trình triển khai thực hiện, Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ xem xét điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026-2030 phù hợp với tình hình thực tiễn và đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 34 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr: Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm CB - TH, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ4, TH₂.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 295/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn 2021- 2025	Thực hiện giai đoạn 2021-2025					Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026- 2030
			Giai đoạn 2021-2025	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
A	B		1	2	3	4	5	6	7
A	TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GRDP) THEO GIÁ HIỆN HÀNH (NĂM CUỐI)	147.000.000	125.592.456	90.536.549	94.698.842	103.227.265	110.215.755	125.592.456	260.305.400
B	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	90.781.513	90.947.655	16.900.069	18.056.562	17.961.424	18.105.982	19.923.618	113.476.452
I	Thu nội địa	47.809.825	51.041.075	9.323.973	8.768.621	9.179.731	10.268.750	13.500.000	67.888.712
	<i>Trong đó: Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>15.372.979</i>	<i>17.599.973</i>	<i>3.804.821</i>	<i>3.128.376</i>	<i>2.293.770</i>	<i>3.073.006</i>	<i>5.300.000</i>	<i>23.100.000</i>
	<i>Thu xổ số kiến thiết</i>	<i>81.326</i>	<i>83.326</i>	<i>8.329</i>	<i>14.738</i>	<i>21.721</i>	<i>17.538</i>	<i>21.000</i>	<i>100.000</i>
II	Thu từ dầu thô (nếu có)	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu (nếu có)	42.644.115	39.565.389	7.566.101	9.248.877	8.743.673	7.706.738	6.300.000	45.177.740
IV	Thu huy động đóng góp nhân dân	259.209	282.209	9.995	22.667	8.000	118.547	123.000	350.000
V	Thu viện trợ	68.364	58.982	-	16.397	30.020	11.947	618	60.000
C	TỔNG THU NSDP	157.722.371	159.495.615	28.156.603	29.258.741	32.328.330	33.172.319	36.579.622	142.194.871
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	45.777.532	47.714.599	8.661.068	8.329.567	8.746.704	9.542.952	12.434.308	60.121.804
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	60.111.322	60.031.895	12.095.640	12.242.962	11.978.548	11.091.512	12.623.233	72.673.067
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	38.840.572	38.840.572	7.097.029	7.714.770	7.784.253	8.041.860	8.202.660	49.518.942
-	Thu bổ sung có mục tiêu	21.270.750	21.191.323	4.998.611	4.528.192	4.194.295	3.049.652	4.420.573	23.154.125
III	Thu bổ sung từ quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
IV	Thu chuyển nguồn	50.290.084	50.288.452	7.259.184	8.416.330	11.259.383	12.202.785	11.150.770	9.000.000
V	Thu kết dư ngân sách	1.543.433	1.460.669	140.711	269.882	343.695	335.070	371.311	400.000
D	TỔNG CHI NSDP	153.728.448	158.328.916	27.949.568	29.040.635	32.092.604	32.913.128	36.332.981	150.302.047
I	Chi đầu tư phát triển	46.319.738	47.892.305	10.104.025	8.347.122	9.254.191	9.114.400	11.072.567	70.000.000
II	Chi thường xuyên	55.316.238	57.637.626	9.269.858	9.411.035	10.317.288	12.532.192	16.107.253	74.672.652
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	58.917	59.322	3.097	437	15.213	20.085	20.490	112.695
IV	Chi khác	6.700	6.700	1.340	1.340	1.340	1.340	1.340	6.700
V	Chi chuyển nguồn	51.530.900	52.029.268	8.416.330	11.259.383	12.202.785	11.150.770	9.000.000	5.000.000
VI	Chi nộp ngân sách Trung ương	493.355	698.995	154.918	21.318	301.787	91.741	129.231	500.000
VII	Chi hỗ trợ địa phương khác	2.600	4.700	-	-	-	2.600	2.100	10.000
E	KẾT DƯ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		1.821.885	336.272	371.921	335.069	371.314	407.309	- 510.000
F	BỘI CHI NSDP	1.093.289	921.368	137.749	163.323	215.630	193.387	211.279	7.897.176
G	TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSDP								
I	Hạn mức dự nợ vay tối đa của NSDP	2.099.449	2.099.449	1.732.214	1.665.913	1.749.341	1.908.590	1.620.830	11.534.531
II	Mức dự nợ đầu kỳ (năm)	312.851	312.851	312.851	441.068	593.863	788.071	899.174	1.058.823
III	Trả nợ gốc vay trong kỳ (năm)	121.022	271.282	9.532	10.528	117.307	82.284	51.631	305.100
-	Từ nguồn bội thu NSDP; tăng thu, tiết kiệm chi; kết dư ngân sách cấp tỉnh	115.922	266.182	8.512	9.508	116.287	81.264	50.611	300.000
-	Dự án tự đảm bảo	5.100	5.100	1.020	1.020	1.020	1.020	1.020	5.100
IV	Tổng mức vay trong kỳ (năm)	1.093.289	921.368	137.749	163.323	215.630	193.387	211.279	7.897.176
-	Vay để bù đắp bội chi	1.093.289	921.368	137.749	163.323	215.630	193.387	211.279	7.897.176
V	Mức dự nợ cuối kỳ (năm)	1.285.119	1.058.823	441.068	593.863	692.186	899.174	1.058.823	8.650.898

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH